TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 7 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST - HNGĐ ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh ngày 18/11/1994; địa chỉ: Thôn H, xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Ngọc V, sinh ngày 07/7/1990; địa chỉ: Thôn C, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01-02-2023, bản tự khai ngày 23/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị P trình bày:

Chị P với anh Trần Ngọc V chung sống với nhau có hỏi cưới theo phong tục vào năm 2018; cả hai đã đăng ký kết hôn ngày 12-02-2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, cả hai vào Sài Gòn chung sống với nhau có thời gian hạnh phúc được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh V thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị, tình trạng kéo dài, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ tại thôn H, xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, do mâu không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Trần Bùi Nhật L, sinh ngày 08-02-2019. Từ khi vợ chồng không chung sống, cháu L do chị chăm sóc. Nên chị yêu cầu giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Ngọc V, Toà án đã nhiều lần triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2023 Công an xã Phong Sơn cho biết anh V hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương. Đại diện gia đình anh V cũng cho biết đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án và đã thông báo cho anh V biết nhưng anh V nói bận công việc, không đến Toà án và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị P và anh Trần Ngọc V kết hôn hợp pháp; quá trình chung sống có một người con chung là các cháu Trần Bùi Nhật L, sinh ngày 08/02/2019.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho chị P ly hôn; về con chung giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi đến khi thành niên; về cấp dưỡng, không ai có yêu cầu nên không xem xét; tài sản, nghĩa vụ chung không ai có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn là anh Trần Ngọc V có địa chỉ cư trú tại xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

1.2 Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Trần Ngọc V có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 12/02/2019. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị P; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của chị P, thấy rằng:

Chị P thừa nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng do không hợp về tính cách, lối sống và đã không chung sống từ năm 2021 đến nay. Quá trình tố tụng, mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng anh V cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh đã bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, con cái và cũng không có mong muốn đoàn tụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị P ly hôn. Như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Trần Ngọc V có một người con chung là cháu Trần Bùi Nhật L, sinh ngày 08/02/2019. Xét yêu cầu được giao trực tiếp nuôi con chung, thấy rằng: Từ khi vợ chồng không chung sống, chị P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L; Qua xác minh tại gia đình anh V, bà Nguyễn Thị Tuyết (là mẹ đẻ của anh V) cũng thừa nhận việc nuôi cháu L là do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cho thấy anh V thiếu sự quan tâm đến con chung. Do đó, cần chấp nhận việc giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi đến khi thành niên là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã được phổ biến, giải thích nhưng tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P, cho chị Bùi Thị P được ly hôn với anh Trần Ngọc V; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Bùi Nhật L cho chị P trực tiếp nuôi đến khi thành niên trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0006774 ngày 08-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt